

Bản án số: 114/2019/HS- PT

Ngày: 26 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuân

2. Bà Nguyễn Thị Lan Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2019/TLPT-HS ngày 08/5/2019 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 99/2019/HS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**** Các bị cáo bị kháng nghị:***

1. Bị cáo **Nguyễn Sỹ G**, (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 17/9/1975; Nơi ĐKHKTT: Thôn MĐ, xã NT, huyện NS, tỉnh HD; Chỗ ở: Tổ 06, phường HVT, thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Sỹ Th, sinh năm 1949; Con bà: Hồ Thị B, sinh năm 1951; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; Con: có 02 con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 02/11/2018 đến 26/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Đến ngày 09/ 3 /2019 bị bắt tạm giam trong một vụ án khác; Theo báo cáo của Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên (kèm các tài liệu có liên quan): bị cáo đã chết ngày 21/5/2019.

2. Bị cáo **Triệu Tài A**, (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 09/4/1994; Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ 16, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Triệu Văn T, sinh năm 1967; Con bà: Lê Thị Thanh H sinh năm 1969; Gia đình có 2 anh em, Bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo có vợ: Lê Thị Thúy V, sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 02/11/2018 đến 26/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo (do bị cáo mời): Luật sư Nguyễn Công Q – Văn phòng luật sư An Toàn, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

* *Người bị hại không kháng cáo và không bị kháng nghị*: Anh Đồng Văn G1, sinh năm 1990; ĐKHKTT: Thôn TN, xã TG, huyện SS, thành phố HN. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h00' ngày 25/7/2018, Nguyễn Sỹ G cùng với Triệu Tài A đến xóm trọ thuộc tổ 10, phường ĐQ, thành phố TN tìm chị Dương Thị Mỹ L1 (sinh năm: 1992; HKTT: Xóm LD, xã TQ, thành phố SC, tỉnh TN) để đòi số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mà chị L1 đã vay của Tài A từ khoảng tháng 5/2018. Khi vào phòng trọ, Tài A và G gặp chị L1 cùng với anh Đồng Văn G1 (sinh năm: 1990; HKTT: Xóm TN, xã TG, huyện SS, thành phố HN) đang ngồi chơi trong phòng. Tài A và G yêu cầu chị L1 đi theo về quây để nói chuyện nợ nần. Chị L1 đồng ý rồi Tài A, G về quây cho thuê, mua bán ô tô xe máy “Dương G” thuộc tổ 06, phường HVT, thành phố TN. Tại đây, Tài A dùng tay phải tát 03 cái vào mặt chị L1 và yêu cầu chị L1 trả nợ nhưng chị L1 nói không có tiền, L1 nói với Tài A về việc anh G1 nợ của chị L1 số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) là số tiền anh G1 cầm của chị L1 hàng tháng và tiền chị L1 vay hộ anh G1 chưa trả. Thấy vậy, Tài A và G nảy sinh ý định đưa anh G1 về quây để ép anh G1 trả tiền cho chị L1 để chị L1 trả tiền cho Tài A và G, nên Tài A nói: “Để tao giải quyết cho”. Sau đó, Tài A và G đưa chị L1 quay lại phòng trọ tìm anh G1. Khi gặp anh G1, chị L1 hỏi anh G1 về số tiền anh G1 nợ chị L1 nhưng anh G1 không thừa nhận và nói việc chị L1 nợ tiền Tài A và G thì chị L1 phải tự lo, anh G1 không có trách nhiệm trong chuyện đó. Thấy vậy, G cầm một chiếc điều cày bằng tre ở cửa phòng trọ xông vào đánh anh G1. Lúc này Tài A cũng xông vào dùng một đoạn dây cáp bằng cao su màu đen dài 56cm, đường kính 02cm và chân

tay không đánh anh G1. Sau khi đánh anh G1 xong, Tài A lấy trong túi đeo trên người ra một con dao loại dao bấm màu đỏ đen tổng chiều dài 21cm đe dọa G1. Do bị Tài A và G đánh nên anh G1 rất đau đớn, sợ hãi van xin Tài A và G tha cho thì G và Tài A không đánh anh G1 nữa. G nói: “Giấy tờ của mày đâu?”. Anh G1 trả lời: “Giấy tờ em để trên bàn”. Thấy vậy, Tài A cầm ví và tập hồ sơ của anh G1 để trên bàn bỏ ra kiểm tra rồi Tài A cầm của anh G1 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2, 01 hồ sơ bên trong có học bạ, bản sao giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp THPT, tất cả đều mang tên Đồng Văn G1 với mục đích để ép anh G1 viết giấy vay tiền. Sau đó, Tài A và G yêu cầu anh G1 về quầy để nói chuyện thì anh G1 đồng ý. Sau khi Tài A và G đưa anh G1 về đến quầy “Dương G”, tại đây chị L1 và anh G1 nói chuyện với nhau về việc nợ giữa anh G1 và chị L1. Thấy anh G1 vẫn không thừa nhận nên Tài A và G dùng chân tay không tiếp tục đánh anh G1, Tài A cầm khay đá bằng kim loại để trên mặt bàn đập một phát vào đầu anh G1 rồi Tài A dùng 03 vỏ bút bi kẹp vào giữa các ngón tay bàn tay trái của anh G1 rồi Tài A dùng tay phải bóp mạnh bàn tay của anh G1 làm cho anh G1 bị đau. Sau khi đánh anh G1 xong, Tài A yêu cầu anh G1 gọi điện cho người nhà mang tiền lên trả. Rồi G đi ra ngoài khoảng 60 phút sau thì quay về cùng với Tài A bắt anh G1 phải viết một tờ giấy có tựa đề “Hợp đồng cho thuê xe máy” với nội dung anh G1 thuê của quầy “Dương G” một xe máy nhãn hiệu Honda SH màu bạc - đen, BKS: 34B3 - 408.89 trong thời gian từ ngày 24/7/2018 đến 9h00’ ngày 25/7/2018 và một “Giấy bán xe máy” với nội dung anh G1 bán chiếc xe máy trên với giá 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) vào ngày 25/7/2018 theo mẫu in sẵn do Tài A đưa cho anh G1. Do quá sợ hãi vì bị G và Tài A đánh trước đó nên anh G1 miễn cưỡng viết hai tờ giấy trên theo yêu cầu của Tài A và G. Sau khi anh G1 viết xong, Tài A cầm “Hợp đồng cho thuê xe máy” cùng với giấy chứng minh nhân dân của anh G1 đến quán photocopy “Quang Trung” thuộc tổ 04, phường HVT, thành phố TN (gần quầy “Dương G”) thuê chị Hoàng Thị H1 (sinh năm: 1984; HKTT: Tổ 07, phường TL, thành phố TN) in ảnh giấy chứng minh nhân dân và ảnh của anh G1 lên tờ “giấy cho thuê xe máy” rồi photo ra các bản khác nhau. Sau đó, Tài A cầm về đưa cho anh G1 01 bản photo và yêu cầu anh G1 phải trả số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) trong thời hạn 07 ngày rồi G và Tài A mới cho anh G1 và chị L1 về. G và Tài A chưa lấy tiền của anh G1 thì bị anh G1 làm đơn trình báo đến cơ quan Công an.

Hậu quả: Anh Đồng Văn G1 bị 1 vết bầm tím trên trán trái, 01 vết xước da lưng bên phải hình dạng không xác định kích thước 06cm x 02cm. 01 vết bầm tím không xác định được hình dạng ở tay trái, 01 vết xước nhỏ chiều dài 0,8cm tại vị trí mắt trái. Do vết thương không đáng kể, không ảnh hưởng đến

sức khỏe nên anh G1 không đề nghị giám định thương tích. Anh G1 đã được G và Tài A bồi thường 20.000.000 đồng nên không đề nghị G và Tài A phải bồi thường gì thêm

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 99/2019/HS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Sỹ G; Bị cáo Triệu Tài A phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1; Khoản 2 Điều 51BLHS năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sỹ G 42 tháng tù.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 65BLHS năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Triệu Tài A 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án công nhận đã giải quyết xong về phần bồi thường dân sự, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 26/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ- VKSTN với các nhận định: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã có các vi phạm như sau:

Hành vi của các bị cáo đã sử dụng: “phương tiện nguy hiểm” để thực hiện hành vi phạm tội; Việc Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Sỹ G và Triệu Tài A là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra cho người bị hại. Trong vụ án này, Triệu Tài A là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Sỹ G tham gia với vai trò đồng phạm là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án sơ thẩm xử phạt G 42 tháng tù giam; Xử Tài A 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không khách quan và công bằng, chưa đảm bảo căn cứ và tính nghiêm minh của pháp luật. Từ những nhận định nêu trên, quyết định kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử lại vụ án theo hướng áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Sỹ G và Triệu Tài A, không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Triệu Tài A, đề nghị xử tù giam đối với bị cáo A.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 11/6/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được các tài liệu bổ sung chứng cứ do Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Thái Nguyên cung cấp xác định bị cáo Nguyễn Sỹ G đã chết tại trại tạm giam ngày 21/5/2019.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 359 và khoản 7 Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo G: Hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Sỹ G do bị cáo đã chết.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a,d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo A: xử phạt bị cáo Triệu Tài A từ 7 đến 8 năm tù.

Bị cáo không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ngộ nhận; mặt khác, các công cụ do các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội mang tính nguy hiểm không đáng kể, tài sản chưa chiếm đoạt được. Bản án sơ thẩm xử các bị cáo về tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là phù hợp. Đối với bị cáo A không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và 1 tình tiết theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự mở lượng khoan hồng xử bị cáo A mức án phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của vị luật sư. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin hưởng mức án thấp và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành trong hạn luật định là hợp lệ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được các tài liệu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên cung cấp xác định bị cáo Nguyễn Sỹ G đã chết tại trại tạm giam ngày 21/5/2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355 và khoản 2 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Sỹ G do bị cáo đã chết. Tiếp tục xét xử đối với bị cáo Triệu Tài A do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo Triệu Tài A tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo G và người bị hại tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung tại quyết định kháng nghị do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do nghi ngờ anh Đồng Văn G1 nợ 28.000.000 đồng của chị Dương Mỹ L1 là số tiền chị L1 nợ của Triệu Tài A nên khoảng 10 giờ ngày 25/7/2018, tại tổ 10 phường ĐQ, thành phố TN tại quầy cho thuê, mua bán ô tô xe máy “Dương G” thuộc tổ 06, phường HVT, thành phố TN, Nguyễn Sỹ G và Triệu Tài A đã dùng chân tay không đảm đá vào người anh G1; tiếp đó Nguyễn Sỹ G đã dùng điều cày bằng tre đánh anh G1. Tài A dùng dây cáp bằng cao su đánh, dùng dao bầm dài 21cm đe dọa để ép anh G1 phải viết giấy vay tiền. Sau đó, Tài A và G đã đưa anh G1 về quầy cho thuê, mua bán ô tô xe máy “Dương G” thuộc tổ 06, phường HVT, thành phố TN. Tại đây, Nguyễn Sỹ G và Triệu Tài A đã dùng chân tay không đảm đá vào người anh G1; Tài A dùng 01 khay đựng đá bằng kim loại đánh một nhát vào vùng đầu, dùng 03 vỏ bút bi kẹp vào giữa các ngón tay bàn tay trái của anh G1 rồi Tài A dùng tay phải bóp mạnh bàn tay của G1 làm cho G1 bị đau bắt anh G1 phải viết 01 giấy thuê xe và 01 giấy bán xe rồi yêu cầu trong thời hạn 07 ngày phải thanh toán số tiền 28.000.000 đồng cho G và Tài A (nhưng thực tế anh G1 không nợ gì các bị cáo). Do sợ bị đánh anh G1 đã viết, sau khi viết xong G và Tài A mới cho anh G1 về. Sau khi sự việc xảy ra anh G1 đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an.

Với những hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử Triệu Tài A và Nguyễn Sỹ G về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Triệu Tài A, không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Triệu Tài A, đề nghị xử tù giam đối với bị cáo A, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo đã sử dụng: điều cày, dây cáp bằng cao su, khay đá để đánh và dùng dao bầm dài 21cm để đe dọa anh G1 để thực hiện hành vi phạm tội. Theo hướng dẫn tại mục 2.2 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, Triệu Tài A là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi phạm tội liên tục và quyết liệt nhất nhưng tòa án cấp sơ thẩm lại chỉ áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa

đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Mức án như đã tuyên là quá nhẹ chưa phù hợp với tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, chưa đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên cũng đề nghị sửa án sơ thẩm; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Triệu Tài A từ 7 đến 8 năm tù là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[4] Xét lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho rằng bị cáo phạm tội do ngộ nhận và đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là không phù hợp với hành vi khách quan do bị cáo đã thực hiện, không đúng hướng dẫn tại mục 2.2 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355 và khoản 2 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo G: Hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Sỹ G do bị cáo đã chết. (Quyết định của bản án sơ thẩm bị hủy bao gồm: quyết định về hình phạt chính và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo G).

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a,d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, sửa bản án sơ thẩm số 99/2019/HS-ST ngày 29/03/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Tài A phạm tội "Cướp tài sản".

1/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Tài A 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. (được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2018 đến ngày 26/12/2018).

2/ Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Khánh Hồng